



dà zhǔ jiào

大主教

noun · archbishop

Example Sentences

Dà zhǔ jiào zhǔ chí le jīn tiān de yí shì
大主教主持了今天的仪式。

The archbishop presided over today's ceremony.

Zhè wèi dà zhǔ jiào zài shè qū zhōng hěn yǒu wēi wàng
这位大主教在社区中很有威望。

This archbishop is highly respected in the community.

Trace each character, then write the word on your own.

大	大	大	大	大	大						
主	主	主	主	主	主	主	主				
教	教	教	教	教	教	教	教	教	教	教	教
教	教	教									